

UBND TỈNH BẾN TRE
SỞ TÀI CHÍNH
Số: 5081 /KL-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bến tre, ngày 10 tháng 12 năm 2012

KẾT LUẬN KIỂM TRA

Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Trường Cao đẳng Bến Tre

- Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH 12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;
- Căn cứ Quyết định kiểm tra số 64/QĐ-STC và Kế hoạch số 4758/KH-TTr ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Sở Tài chính về việc Kiểm tra việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Trường Cao đẳng Bến Tre;
- Căn cứ Báo cáo kết quả kiểm tra việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Trường Cao đẳng Bến Tre của Đoàn kiểm tra,

KẾT LUẬN:

A. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Vị trí:

Trường Cao đẳng Bến Tre được thành lập theo quyết định số 4702/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 23 tháng 8 năm 2004 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo trên cơ sở hợp nhất Trường Cao đẳng sư phạm Bến Tre, Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Bến Tre, Trường Trung học Kỹ thuật công nghiệp Bến Tre;

2. Chức năng, nhiệm vụ:

Trường Cao đẳng Bến Tre hoạt động theo Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành theo Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

- Trường Cao đẳng Bến Tre tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 1294/ QĐ-UBND ngày 8/8/2007 của UBND tỉnh Bến Tre .

3- Cơ cấu tổ chức:

- Ban Giám hiệu: Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng.
- Các bộ phận chức năng: 8 phòng và 10 khoa.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

Qua xem xét sổ kế toán, chứng từ kế toán do Nhà Trường cung cấp; Đoàn kiểm tra ghi nhận việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Trường Cao đẳng Bến Tre như sau:

I. Xác định loại hình, cơ chế tài chính :

Căn cứ quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2011 của UBND Tỉnh về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Trường Cao đẳng Bến Tre, trong năm 2011, Nhà trường được giao cơ chế tài chính là sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động.

II. Đầu tư sa hình bãi tập lái xe:

1. Thực hiện xây dựng bãi sa hình:

- Căn cứ vào Công văn số 859/UBND-TCĐT ngày 10 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các yếu tố chính của bãi sa hình được quy định:

+ Thực hiện xây dựng bãi sa hình tại địa điểm cơ sở 1, qui mô 7.840 m² với dự toán: 1,6 tỷ đồng,

+ Chủ đầu tư: Trường Cao đẳng Bến Tre.

+ Hình thức: Huy động vốn từ cán bộ công nhân viên của đơn vị; hàng năm trả gốc 1/3 giá trị đầu tư; lãi phải trả 20%/năm; một năm trả 2 lần từ nguồn học phí lái xe.

- Triển khai thực hiện:

+ Nhà trường ban hành Quyết định số 187/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 25/4/2011 về việc thành lập BQL dự án.

+ Quyết định số 188/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 25/4/2011 của Trường Cao đẳng Bến Tre về việc phê duyệt thiết kế với tổng chi phí đầu tư: 1.674.815.922 đồng.

+ Quyết định 189/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 26/4/2011 của Trường Cao đẳng Bến Tre về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu dựa trên đơn đề nghị của ông Tăng Văn Nhiên; giá trị khoán gọn: 1.536.000.000 đồng.

- Nguồn huy động: từ cán bộ công chức. Số tiền huy động: 1.536.000.000 đồng.

- Thực hiện Xây lắp:

- Trường Cao đẳng Bến Tre ký Hợp đồng với ông Tăng Văn Nhiên để thực hiện thi công công trình sa hình bãi tập lái xe thông qua 6 Hợp đồng với từng hạng mục công trình.

- Nghiệm thu, thanh toán:

Tổng giá trị nghiệm thu và thanh lý hợp đồng

Số Hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Giá trị tăng	Giá trị giảm	Giá trị thanh lý Hợp đồng	Đã thanh toán
107	188.070.000			188.070.000	188.070.000
108	216.490.000			216.490.000	216.490.000
109	71.364.000	18.985.000	28.758.000	70.149.000	70.149.000
110	135.626.000			127.068.000	127.068.000
111	304.053.000	37.437.000		924.450.000	924.450.000
112	620.397.000				
PS tăng					37.437.000
QLDA					33.738.000
Tư vấn thiết kế					26.974.800
Tổng	1.536.000.000	56.422.000	28.758.000	1.526.227.000	1.624.376.800

Tất cả các Hợp đồng đều có ghi nhận: Không tính khối lượng phát sinh tăng, nếu có khối lượng giảm thì được giảm trừ giá trị khi thanh toán.

Giá trị được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá trị dựa trên số tiền thanh toán cho đơn vị thi công nhưng chưa tính chi phí khác. Đây là giá trị xây lắp.

2. Việc huy động và trả lãi vốn huy động bãi tập lái :

- Tổng thu của CBGV tham gia đầu tư bãi tập lái (256 phần) là 1.536.000.000 đồng, được huy động nhiều đợt (30/4/2011, 2/9/2011, tết Dương lịch: 500.000 đồng/người; 20/11/2011, tết Âm lịch: 1.000.000 đồng/người).

Cụ thể: Năm 2011: 1.378.000.000 đồng; năm 2012: 158.000.000 đồng.

+ Từ 22/3 đến 31/3/2011: 943.500.000 đồng.

+ Từ 04/4 đến 21/4/2011: 112.500.000 đồng.

+ Từ 09/9 đến 13/9/2011: 85.000.000 đồng.

+ Từ 14/11/2011: 158.000.000 đồng.

+ Từ 26/12/2011: 79.000.000 đồng.

+ Từ 11/01/2012: 158.000.000 đồng.

Tổng cộng: 1.536.000.000 đồng.

- Việc tính lãi sân tập lái mỗi năm chia làm 2 lần vào tháng 1 và tháng 7 trong thời gian 3 năm. Năm 2012 đã thanh toán xong 2 lần (lần 1 vào ngày 12/01/2012, lần 2 vào ngày 02/7/2012):

+ Lần 1: 819.200.000 đồng (tiền gốc: 512.000.000 đồng, tiền lãi: 307.200.000 đồng).

+ Lần 2: 409.600.000 đồng (tiền gốc: 256.000.000 đồng, tiền lãi: 153.600.000 đồng).

Tổng cộng: 1.228.800.000 đồng (tiền gốc 768.000.000 đồng, tiền lãi 460.800.000 đồng).

Căn cứ chỉ đạo số 859/UBND-TCĐT ngày 10 tháng 03 năm 2011 của UBND tỉnh V/v chủ trương đầu tư xây dựng sa hình bãi tập lái xe của trường Cao đẳng Bến Tre: "... nhà trường huy động CBGV tham gia góp vốn đầu tư, hàng năm chỉ trả cho cá nhân góp vốn là 1/3 tổng giá trị đầu tư cộng lãi suất 20%/năm và được chi trả 2 kỳ trong năm từ nguồn thu học phí lái xe. Sau thời gian 3 năm khai thác, hoàn vốn sẽ bàn giao về cho nhà trường quản lý dưới hình thức tài sản công".

- Nhà Trường đã huy động vốn từ CBGV của trường tổng cộng 256 phần, mỗi phần là 6 triệu đồng. Lãi suất 20%/năm tính trong 03 năm. Theo báo cáo của Trường Cao Đẳng Bến Tre cách tính và kế hoạch chi trả tiền gốc và tiền lãi là: $[6.000.000 + (6.000.000 \times 20\% \times 3 \text{ năm})] = 9.600.000$ đồng, hàng năm sẽ chi trả cho mỗi CBGV là: $(9.600.000 : 3 \text{ năm}) = 3.200.000$ đồng (tiền gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 1.200.000 đồng) và được chi trả 2 kỳ vào tháng 01 và tháng 7 hàng năm. Trường Cao Đẳng Bến Tre đã thực hiện chi trả như sau:

+ Lần 1: ngày 12 tháng 01 năm 2012 số tiền 819.200.000 đồng chi trả tiền gốc và lãi của trọn năm 2011 (đã hạch toán vào chi phí phần lãi trên vốn huy động số tiền là 307.200.000 đồng).

+ Lần 2: ngày 02 tháng 7 năm 2012 chi trả số tiền: 409.600.000 đồng (lãi là 153.600.000 đồng), kế toán giải trình là chi trả tiền gốc và lãi của 6 tháng đầu năm 2012.

3. Nhận xét:

3.1. Việc tính và chi trả lãi huy động vốn của Nhà trường:

Năm 2011 vốn huy động chưa đủ 1,536 tỷ đồng nhưng Nhà trường lại tính lãi trên 1,536 tỷ đồng.

Cách tính lãi đúng theo quy định như sau:

- Góp vốn lần 1 (từ 22/3 đến 31/3/2011): 943.500.000 đồng. Lãi phải trả tính đến tháng 01/2012: $[(943.500.000 \times 20\%) : 12 \text{ tháng} \times 9 \text{ tháng}] = 141.525.000$ đồng.

- Góp vốn lần 2 (từ 04/4 đến 21/4/2011): 112.500.000 đồng. Lãi phải trả tính đến tháng 01/2012: $[(943.500.000 \times 20\%) : 12 \text{ tháng} \times 8 \text{ tháng}] = 15.000.000 \text{ đồng}$.

- Góp vốn lần 3 (từ 09/9 đến 13/9/2011): 85.000.000 đồng. Lãi phải trả tính đến tháng 01/2012: $[(943.500.000 \times 20\%) : 12 \text{ tháng} \times 4 \text{ tháng}] = 5.666.666 \text{ đồng}$.

- Góp vốn lần 4 (14/11/2011): 158.000.000 đồng. Lãi phải trả tính đến tháng 01/2012: $[(943.500.000 \times 20\%) : 12 \text{ tháng} \times 2 \text{ tháng}] = 5.266.666 \text{ đồng}$.

- Từ 26/12/2011: 79.000.000 đồng, chưa đủ thời gian tính lãi.

- Từ 11/01/2012: 158.000.000 đồng, chưa đủ thời gian tính lãi.

Tổng số tiền lãi phải tính lại là:

$(141.525.000 + 15.000.000 + 5.666.666 + 5.266.666) = 167.458.332 \text{ đồng}$.

Nhà Trường đã trả tiền lãi lần 1 trọn năm 2011 là 307.200.000 đồng. Như vậy, Nhà Trường đã chỉ trả thừa 139.741.668 đồng $(307.200.000 - 167.458.332)$.

- Theo quy định, kể từ lần tính chi trả tiền gốc và tiền lãi lần thứ 2 trở về sau, phải tính giảm trừ tiền gốc và tiền lãi cho mỗi lần tính. Tuy nhiên, Trường Cao đẳng Bến Tre cũng chưa thực hiện đúng quy định này: Nhà Trường không giảm vốn gốc đã trả ở các kỳ trước.

3.2. Thực hiện xây dựng:

- Công trình chưa thực hiện đúng qui định về xây dựng cơ bản, không tổ chức đấu thầu, nghiệm thu, quyết toán, bàn giao, thanh toán... Dẫn đến còn sai sót trong hạch toán:

- Kế toán ghi nhận giá trị tài sản chưa đúng với giá trị thực đầu tư. Cụ thể:

+ Tổng chi phí đầu tư: 1.624.376.800 đồng, nhưng Kế toán ghi tăng tài sản nguyên giá năm 2011 là 1.563.664.000 đồng; chênh lệch: 60.712.800 đồng chưa hạch toán tài sản, đã hạch toán giảm nguồn quỹ phát triển sự nghiệp.

- Thỏa thuận thu lại tiền điện, nước của đơn vị thi công: 1.500.000 đồng, nhưng thực tế thu 1.200.000 đồng, số còn lại trường theo dõi tiếp tục thu.

- Căn cứ vào hợp đồng thi công thì khối lượng phát sinh tăng không được thanh toán, nhưng được trừ đi giá trị không thực hiện. Trường đã chỉ khối lượng tăng số tiền là 56.422.000 đồng.

III. Đầu tư xe tập lái:

1. Việc huy động và trả lãi vốn huy động đầu tư xe tập lái:

Căn cứ Văn bản số 954/UBND-TMXDCB ngày 25 tháng 03 năm 2009 của UBND tỉnh V/v hợp đồng liên kết đầu tư xe tập lái của trường Cao đẳng Bến Tre ; Nhà Trường được liên kết với các tổ chức cá nhân đầu tư xe ô tô loại 04 chỗ để phục vụ giảng dạy. Cụ thể: xe ô tô đầu tư vào phải từ đời 2002 về sau, được kiểm định hoàn chỉnh, giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, do nhà trường quản lý, thời gian liên kết đầu tư là 04 năm, sang năm thứ 5 làm thủ tục chuyển thành xe công của trường. Trong 04 năm, hàng năm nhà trường chỉ trả cho chủ đầu tư 1/4 giá trị xe cộng lãi suất 20%/năm/giá trị xe liên kết, số tiền này chia làm 3 kỳ trong năm được trả bằng tiền thu học phí lái xe. Giao Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện. Qua kiểm tra ghi nhận như sau:

- Nhà trường ban hành văn bản số 294/CĐBT ngày 25 tháng 12 năm 2008 V/v mời gọi đầu tư xe giảng dạy hạng B2. Tuy nhiên, đây mới chỉ là mời gọi đầu tư trong nội bộ cán bộ công chức, giáo viên của trường (trong đó có Kế hoạch số 48/KH-CĐBT ngày 24 tháng 12 năm 2008 của trường Cao đẳng Bến Tre quy định các điều khoản cụ thể). Theo Phương án liên kết đầu tư xe ô tô sử dụng đào tạo lái xe hạng B2 của Trường ban hành ngày 10 tháng 4 năm 2009, căn cứ ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh cho phép đầu tư xe tập lái (Văn bản số 954/UBND-TMXDCB ngày 25 tháng 03 năm 2009 của UBND tỉnh) Nhà Trường có trách nhiệm thông báo rộng rãi trong CBCC và tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường để huy động nguồn đầu tư. Thực tế nhà trường không có thông báo rộng rãi ra ngoài chỉ thông báo trong nội bộ.

- Việc thanh toán cho các chủ xe liên kết đầu tư chưa đúng Văn bản chỉ đạo số 954/UBND-TMXDCB ngày 25 tháng 03 năm 2009 của UBND tỉnh và Phương án liên kết đầu tư xe ô tô sử dụng đào tạo lái xe hạng B2 của Trường ban hành ngày 10 tháng 4 năm 2009: hàng năm chỉ trả cho chủ đầu tư 1/4 giá trị xe và lãi suất 20%/năm/giá trị xe liên kết, số tiền này chia làm 3 kỳ trong năm được trả bằng tiền thu học phí lái xe. Qua kiểm tra 03 hợp đồng liên kết đầu tư xe và thực tế chỉ trả cho thấy Nhà Trường chỉ chi 02 kỳ trong 1 năm (vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm). Tiền đầu tư của mỗi chủ xe liên kết lúc đầu là 176.277.600 đồng lãi suất 20%/năm tính trong 04 năm. Theo báo cáo của đơn vị tính cả tiền gốc và tiền lãi của mỗi phần trong 04 năm sẽ cố định là $[176.277.600 + (176.277.600 \times 20\% \times 4 \text{ năm})] = 317.299.680$ đồng. Hàng năm sẽ chỉ trả cho mỗi chủ xe liên kết là 79.324.920 đồng $(317.299.680 : 4 \text{ năm})$; số tiền này được chi trả làm 2 lần trong năm: $(79.324.920 : 2) = 39.662.460$ đồng (tiền gốc là 22.034.700 đồng, tiền lãi là 17.626.760 đồng). Đến thời điểm kiểm tra đã chi trả được 6 lần:

- + Lần 1 (30/12/2009): $(39.662.460 \text{ đồng} \times 3 \text{ người}) = 118.987.380 \text{ đồng}$.
- + Lần 2 (24/06/2010): $(39.662.460 \text{ đồng} \times 3 \text{ người}) = 118.987.380 \text{ đồng}$.
- + Lần 3 (27/12/2010): $(39.662.460 \text{ đồng} \times 3 \text{ người}) = 118.987.380 \text{ đồng}$.
- + Lần 4 (08/06/2011): $(39.662.460 \text{ đồng} \times 3 \text{ người}) = 118.987.380 \text{ đồng}$.
- + Lần 5 (09/12/2011): $(39.662.460 \text{ đồng} \times 3 \text{ người}) = 118.987.380 \text{ đồng}$.
- + Lần 6 (05/06/2012): $(39.662.460 \text{ đồng} \times 3 \text{ người}) = 118.987.380 \text{ đồng}$.